

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
đã được kiểm toán

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-21
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10-21

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: VIET STAR SECURITIES CORPORATION. Tên viết tắt là: VSSC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPDCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 3A Tòa nhà Bến Thành, 186-188 Lê Thánh Tôn, Quận I, TP HCM.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sự	Chủ tịch
Ông Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Quang Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy Ngọc	Ủy viên
Ông Dương Vập Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Phú Cường	Ủy viên
Ông Vũ Văn Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2009
Bà Phùng Thủy Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/06/2009
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Giám đốc Chi nhánh	Bổ nhiệm ngày 01/06/2009
Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2009
Ông Nguyễn Duy Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2009

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

### Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hoàng Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Văn Khôi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn



## CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 45 /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt được lập ngày 01 tháng 02 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
100	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>283.318.836.984</b>	<b>99.845.630.925</b>
110	<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>58.561.275.233</b>	<b>66.002.212.828</b>
111	1 Tiền		9.561.275.233	66.002.212.828
112	2 Các khoản tương đương tiền		49.000.000.000	-
120	<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>36.174.413.796</b>	<b>12.132.125.057</b>
121	1 Đầu tư ngắn hạn		38.400.724.395	16.165.488.418
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.226.310.599)	(4.033.363.361)
130	<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	6	<b>188.026.282.883</b>	<b>20.795.860.441</b>
131	1 Phải thu của khách hàng		1.871.377.558	1.587.326.200
132	2 Trả trước cho người bán		564.507.601	593.559.728
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		20.169.590.608	231.906.000
138	4 Các khoản phải thu khác		165.725.307.116	18.383.068.513
139	5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(304.500.000)	-
150	<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>556.865.072</b>	<b>915.432.599</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	7	70.957.178	178.785.982
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		485.907.894	736.646.617
200	<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>107.670.235.968</b>	<b>73.377.959.436</b>
220	<b>II Tài sản cố định</b>		<b>6.447.537.040</b>	<b>6.929.017.071</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	3.755.546.847	6.003.284.986
222	- Nguyên giá		8.331.587.751	8.647.029.334
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.576.040.904)	(2.643.744.348)
227	2 Tài sản cố định vô hình	9	2.691.990.193	925.732.085
228	- Nguyên giá		3.735.402.753	1.326.665.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.043.412.560)	(400.932.915)
250	<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	10	<b>97.473.910.300</b>	<b>60.845.460.000</b>
253	1 Đầu tư chứng khoán dài hạn		101.204.958.200	80.816.161.122
259	2 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.731.047.900)	(19.970.701.122)
260	<b>V Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.748.788.628</b>	<b>5.603.482.365</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	11	1.203.144.581	4.020.304.853
263	2 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	373.468.667	120.000.000
268	3 Tài sản dài hạn khác	13	2.172.175.380	1.463.177.512
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>390.989.072.952</b>	<b>173.223.590.361</b>

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>193.814.781.149</b>	<b>16.654.079.550</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>193.689.695.844</b>	<b>16.535.094.857</b>
312	1 Phải trả người bán		407.009.161	6.834.700
313	3 Người mua trả tiền trước		15.000.000	-
314	2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	976.939.567	(33.496.625)
315	3 Phải trả người lao động		1.917.302	54.672.417
316	4 Chi phí phải trả	15	490.448.903	229.177.113
320	5 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	11.444.498.526	36.027.002
321	6 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		834.677.721	140.925.600
328	7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	179.519.204.664	16.100.954.650
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>125.085.305</b>	<b>118.984.693</b>
333	1 Phải trả dài hạn khác		56.782.065	-
336	2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		68.303.240	118.984.693
400	<b>B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>197.174.291.803</b>	<b>156.569.510.811</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>198.757.147.698</b>	<b>157.751.516.706</b>
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		62.220.000.000	62.220.000.000
418	3 Quỹ dự phòng tài chính		231.817.946	231.817.946
420	4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.305.329.752	(39.700.301.240)
430	<b>II Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		<b>(1.582.855.895)</b>	<b>(1.182.005.895)</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>390.989.072.952</b>	<b>173.223.590.361</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
005	5 Ngoại tệ các loại		-	-
	- USD		51,42	50,37
	- EUR		50,96	50,24
	- JPY		6,05	6.050,23
006	6 Chứng khoán lưu ký		384.820.250.000	267.778.900.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		365.240.410.000	267.567.200.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		25.164.440.000	5.824.410.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong		340.075.970.000	261.742.790.000
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		14.218.760.000	-
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		14.218.760.000	-
017	6.3 Chứng khoán cầm cố		5.020.000.000	211.700.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		5.020.000.000	211.700.000
022	6.4 Chứng khoán tạm giữ		341.080.000	-
026	- Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác		341.080.000	-
050	7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	427.150.000
051	7.1 Chứng khoán giao dịch		-	427.150.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	427.150.000

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2010  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Thị Thu Hòa



Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu	19	69.370.898.191	22.135.862.107
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		14.513.364.130	6.800.309.662
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		43.013.708.605	4.960.739.423
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		2.093.400	7.372.500
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		4.272.200.001	709.478.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		395.000.009	641.282.780
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư		41.360.000	-
01.9	Doanh thu khác		7.133.172.046	9.016.679.742
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		69.370.898.191	22.135.862.107
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	20	6.092.598.467	45.270.105.746
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		63.278.299.724	(23.134.243.639)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	19.328.262.313	21.908.132.155
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.950.037.411	(45.042.375.794)
31	8 Thu nhập khác		466.810.785	3.539.810.283
32	9 Chi phí khác		3.411.217.204	54.966.780
40	10 Lợi nhuận khác		(2.944.406.419)	3.484.843.503
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.005.630.992	(41.557.532.291)
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		41.005.630.992	(41.557.532.291)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	3.037	(3.078)

Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hòa

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2010  
Tổng Giám đốc  
  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT  
CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI  
Nguyễn Anh Tuấn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		41.005.630.992	(41.557.532.291)
02	Khấu hao tài sản cố định		2.633.546.595	2.387.160.777
03	Các khoản dự phòng		(17.742.205.984)	20.309.294.840
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.469.527.665)	(3.697.471.203)
06	Chi phí lãi vay		140.183.333	-
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		16.567.627.271	(22.558.547.877)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(167.555.089.719)	21.268.352.406
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		177.001.487.205	(78.262.661.798)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		2.924.989.076	150.193.014
13	Tiền lãi vay đã trả		(140.183.333)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(899.421.231)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.000.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.091.966.535)	(1.525.541.990)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		27.806.863.965	(81.827.627.476)
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.611.132.622)	(836.516.543)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		517.836.452	-
25	5 Tiền chi mua chứng khoán		(368.544.270.424)	(167.901.158.122)
26	6 Tiền thu hồi bán lại chứng khoán		325.920.237.369	148.285.831.225
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.469.527.665	2.751.640.697
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.247.801.560)	(17.700.202.743)
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		106.813.850.000	-
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(106.813.850.000)	(660.000.000)
35	5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	(31.460.000)
36	6 Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(691.460.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.440.937.595)	(100.219.290.219)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		66.002.212.828	166.221.503.047
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		58.561.275.233	66.002.212.828

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Thị Thu Hòa

Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2010  
Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT  
CẦU GIẤY  
Nguyễn Anh Tuấn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2009

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6&8 tòa nhà CTM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 3A Tòa nhà Bến Thành, 186-188 Lê Thánh Tôn, Quận I, TP HCM.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

##### Thay đổi chế độ kế toán

Năm 2008, Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ Tài chính. Năm 2009, do thay đổi chế độ kế toán công ty chứng khoán, Công ty áp dụng chế độ kế toán nêu trên. Vì vậy, một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại và trình bày lại (chi tiết tại thuyết minh số 25).

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc ghi các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

**Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.





**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.



**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2009 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

**3 . TIỀN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	395.114.828	143.956.179
Tiền gửi ngân hàng	1.906.933.238	57.335.875.562
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	2.790.408	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	7.256.436.759	8.522.381.087
Các khoản tương đương tiền	49.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>58.561.275.233</b>	<b>66.002.212.828</b>

**4 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ (VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	12.420.922	612.888.436.557
- Cổ phiếu	12.420.922	612.888.436.557
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Của người đầu tư	141.021.830	5.294.832.658.000
- Cổ phiếu	141.021.830	5.294.832.658.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.442.752</b>	<b>5.907.721.094.557</b>

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	38.400.724.395	16.165.488.418
- Chứng khoán niêm yết	38.400.724.395	6.294.447.418
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	9.871.041.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(2.226.310.599)	(4.033.363.361)
<b>Cộng</b>	<b>36.174.413.796</b>	<b>12.132.125.057</b>

(\*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết. Cơ sở trích lập dự phòng cho chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá bình quân tại ngày 31/12/2009 và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
1. Phải thu khách hàng	1.871.377.558	1.587.326.200
2. Trả trước cho người bán	564.507.601	593.559.728
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	20.169.590.608	231.906.000
- Phải thu Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	-	231.906.000
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	169.590.608	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	20.000.000.000	-
4. Phải thu khác	165.725.307.116	18.383.068.513
Trong đó:		
- Phải thu các hợp đồng hợp tác kinh doanh, mua bán CK	123.228.756.000	-
5. Dự phòng ngắn hạn nợ phải thu khó đòi	(304.500.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>188.026.282.883</b>	<b>20.795.860.441</b>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ	5.474.501	28.348.158
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	-	103.072.200
Chi phí trả trước khác	65.482.677	47.365.624
<b>Cộng</b>	<b>70.957.178</b>	<b>178.785.982</b>

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu kỳ		7.224.512.650	1.422.516.684	8.647.029.334
2. Số tăng trong kỳ	4.792.158.627	-	937.997.347	5.730.155.974
- Mua sắm mới	202.394.869			202.394.869
- Tăng do phân loại lại	4.589.763.758		937.997.347	5.527.761.105
3. Số giảm trong kỳ	377.660.926	5.667.936.631	-	6.045.597.557
- Thanh lý, nhượng bán	377.660.926	140.175.526		517.836.452
- Giảm do phân loại lại		5.527.761.105		5.527.761.105
4. Số dư cuối kỳ	4.414.497.701	1.556.576.019	2.360.514.031	8.331.587.751
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu kỳ		2.428.186.565	215.557.783	2.643.744.348
2. Số tăng trong kỳ	2.138.061.279	312.868.585	1.670.250.316	4.121.180.180
- Trích khấu hao	905.523.277	312.868.585	772.675.088	1.991.066.950
- Tăng do phân loại lại	1.232.538.002	-	897.575.228	2.130.113.230
3. Số giảm trong kỳ	33.995.781	2.130.113.230	24.774.613	2.188.883.624
- Thanh lý, nhượng bán	33.995.781	-	24.774.613	58.770.394
- Giảm do phân loại lại		2.130.113.230		2.130.113.230
4. Số dư cuối kỳ	2.104.065.498	610.941.920	1.861.033.486	4.576.040.904
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Đầu kỳ	-	4.796.326.085	1.206.958.901	6.003.284.986
2. Cuối kỳ	2.310.432.203	945.634.099	499.480.545	3.755.546.847

9. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu kỳ		1.326.665.000	1.326.665.000
2. Số tăng trong kỳ	-	2.408.737.753	2.408.737.753
- Mua sắm mới		2.408.737.753	2.408.737.753
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	3.735.402.753	3.735.402.753
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu kỳ		400.932.915	400.932.915
2. Số tăng trong kỳ	-	642.479.645	642.479.645
- Trích khấu hao		642.479.645	642.479.645
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	1.043.412.560	1.043.412.560
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu kỳ	-	925.732.085	925.732.085
2. Cuối kỳ	-	2.691.990.193	2.691.990.193

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
135.000.000.000	Nguyên giá	12.066.990.504	0,09
	Khấu hao	(5.619.453.464)	
	Giá trị còn lại	6.447.537.040	0,05
<b>Cộng</b>	<b>x</b>	<b>x</b>	<b>x</b>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	101.204.958.200	80.816.161.122
- Chứng khoán niêm yết sẵn sàng để bán	-	34.694.211.122
- Chứng khoán chưa niêm yết sẵn sàng để bán	101.204.958.200	46.121.950.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(3.731.047.900)	(19.970.701.122)
<b>Cộng</b>	<b>97.473.910.300</b>	<b>60.845.460.000</b>

(\*) Cơ sở trích lập dự phòng cho chứng khoán chưa niêm yết tại ngày 31/12/2009 là theo báo cáo đánh giá mà Ban giám đốc Công ty ước tính có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2009.



**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	447.741.268
Chi phí cải tạo nội thất sàn	492.386.103	747.170.467
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	577.681.546	1.760.419.589
Chi phí sửa lắp đặt mạng máy tính	11.503.060	207.252.423
Chi phí xây dựng phòng giao dịch	121.573.872	857.721.106
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.203.144.581</b>	<b>4.020.304.853</b>

**12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	253.468.667	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>373.468.667</b>	<b>120.000.000</b>

**13 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc tiền thuê nhà)		
- Công ty Cổ phần TM Cầu Giấy	302.530.140	302.530.140
- Công ty CP ĐTPT Đô Thị & KCN Sóng Đà Sudico	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM DV Lộc Lê Hải	-	440.647.372
- Công ty Cổ phần TM Căn nhà mơ ước	120.000.000	120.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóng Đà	500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH kinh doanh bất động Sản Gia Tộc	-	100.000.000
- Công ty Cổ phần TM DV Bến Thành	249.645.240	-
<b>Cộng</b>	<b>2.172.175.380</b>	<b>1.463.177.512</b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Thuế GTGT	10.624.421	(26.189.491)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	926.809.296	(9.846.703)
Thuế TNCN	39.505.850	2.539.569
<b>Cộng</b>	<b>976.939.567</b>	<b>(33.496.625)</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí tiền lương	345.574.916	46.865.652
Chi phí kiểm toán	80.000.000	80.000.000
Các khoản khác	64.873.987	102.311.461
<b>Cộng</b>	<b>490.448.903</b>	<b>229.177.113</b>

**16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	194.498.526	36.027.002
Phải trả NĐT tiền ủy thác đầu tư	11.250.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.444.498.526</b>	<b>36.027.002</b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGÁN HẠN KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	109.342.814	91.638.556
Bảo hiểm xã hội	43.023.178	42.671.928
Bảo hiểm y tế	19.223.025	7.053.644
Bảo hiểm thất nghiệp	19.799.088	-
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	86.959.122.827	8.735.066.095
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.368.693.732	7.224.524.427
<b>Cộng</b>	<b>179.519.204.664</b>	<b>16.100.954.650</b>

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	62.220.000.000	-	-	62.220.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	231.817.946	-	-	231.817.946
LN sau thuế chưa PP	(39.700.301.240)	41.005.630.992	-	1.305.329.752
<b>Tổng cộng</b>	<b>157.751.516.706</b>	<b>41.005.630.992</b>	<b>-</b>	<b>198.757.147.698</b>

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**c) Cổ phiếu**

	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	<b>69.370.898.191</b>	<b>22.135.862.107</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	14.513.364.130	6.800.309.662
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	43.013.708.605	4.960.739.423
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	2.093.400	7.372.500
- Doanh thu hoạt động tư vấn	4.272.200.001	709.478.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	395.000.009	641.282.780
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	41.360.000	-
- Doanh thu khác	7.133.172.046	9.016.679.742
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>69.370.898.191</b>	<b>22.135.862.107</b>

**20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.980.956.640	1.518.055.385
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19.623.377.657	23.175.125.915
Chi phí hoạt động tư vấn	1.434.911.127	5.340.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	83.002.266	230.229.606
Chi phí dự phòng	(22.033.693.092)	20.309.294.840
Chi phí khác	4.004.043.869	32.060.000
<b>Cộng</b>	<b>6.092.598.467</b>	<b>45.270.105.746</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	6.434.251.947	7.275.340.342
Chi phí vật liệu quản lý	102.694.775	15.156.286
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.579.532.335	2.716.931.628
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.969.271.552	1.941.463.436
Thuế, phí và lệ phí	372.974.510	79.206.939
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	304.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.474.192.866	8.367.817.844
Chi phí khác bằng tiền	1.090.844.328	1.512.215.680
<b>Cộng</b>	<b>19.328.262.313</b>	<b>21.908.132.155</b>

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.005.630.992	(41.557.532.291)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.369.449.517	-
+ Tiền phạt thuế	310.829.061	-
+ Truy thu thuế TNDN, GTGT, môn bài	949.963.056	-
+ Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	108.657.400	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)	43.700.138.101	-
+ Cổ tức	2.142.605.810	-
+ Lỗ năm trước chuyển sang	41.557.532.291	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(1.325.057.592)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	41.005.630.992	(41.557.532.291)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.005.630.992	(41.557.532.291)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.037	(3.078)

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chính sách kế toán.

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên BCTC năm trước	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư ngắn hạn (1)	121	16.165.488.418	-	16.165.488.418
Chứng khoán tự doanh (2)	121	-	16.165.488.418	(16.165.488.418)

(1), (2): "Chứng khoán tự doanh" phân loại lại trong mục "đầu tư ngắn hạn".

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên BCTC năm trước	Chênh lệch
Doanh thu (3)	01	22.135.862.107	19.384.221.410	2.751.640.697
Thu lãi đầu tư (4)	13	-	2.751.640.697	(2.751.640.697)

(3), (4): Chỉ tiêu "Thu lãi đầu tư" năm 2008 đã được phân loại lại trong mục "doanh thu".

**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ**

Thực hiện phân loại lại phù hợp theo hướng dẫn về lập LCTT tại thông tư 95/2008TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 "Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán của Bộ tài chính".

Người lập



Nguyễn Thị Bích Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hòa



Lập, ngày 01 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn